

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Quản trị kinh doanh**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **TRẦN VĂN TRANG**

2. Ngày tháng năm sinh: 26/09/1977; Nam ☒ ; Nữ ☐ ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán:

Xã Vạn Ninh, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Căn 214, NO 4B, Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ:

Căn 12A09, Toà nhà Hà Đô Parkview N10, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0965322166; E-mail: tranvotrang@tmu.edu.vn

7. Quá trình công tác:

- Từ năm 2000 đến năm 2010: Giảng viên, Bộ môn Quản trị doanh nghiệp, Khoa Quản trị doanh nghiệp, Trường Đại học Thương mại;
- Từ năm 2011 đến năm 2016: Giảng viên, Phó Trưởng Bộ môn Quản trị doanh nghiệp thương mại, Khoa Quản trị doanh nghiệp, Trường Đại học Thương mại;
- Từ năm 2016 đến nay: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Quản trị tác nghiệp kinh doanh, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Thương mại.

Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Thương mại.

Địa chỉ cơ quan: 79 Hồ Tùng Mậu, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: (024) 37643219

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp *bằng ĐH* ngày 20 tháng 08 năm 1999, ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp thương mại. Nơi cấp bằng *ĐH*: *Đại học Thương mại*, Việt Nam.
- Được cấp *bằng ThS (MBA)* ngày 18 tháng 6 năm 2002, ngành Quản trị kinh doanh. Nơi cấp bằng *ThS (MBA)*: Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG), *Đại học Kinh tế Quốc dân*, Việt Nam.
- Được cấp *bằng ThS (DEA, Thạc sĩ nghiên cứu)* ngày 23 tháng 1 năm 2003, ngành Quản trị, chuyên ngành Quản trị chiến lược. Nơi cấp bằng *ThS (DEA)*: *ESA, Đại học Grenoble 2*, Cộng hoà Pháp.
- Được cấp *bằng TS* ngày 09 tháng 12 năm 2011, ngành Quản trị, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, khởi nghiệp. Nơi cấp bằng *TS*: *Đại học Brest (Universite de Brest)*, Cộng hoà Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm,ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Thương mại

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu của tôi tập trung vào 02 hướng chính như sau:

- Khởi nghiệp/khởi sự kinh doanh (entrepreneurship), bao gồm: ý định khởi nghiệp; đào tạo và giáo dục về khởi nghiệp; khởi nghiệp của người trẻ, sinh viên, thanh niên, phụ nữ; khởi nghiệp xã hội, khởi nghiệp sáng tạo; hành vi và văn hoá khởi nghiệp;
- Quản trị sản xuất và chất lượng (operations and quality management) trong các doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm: quản trị sản xuất, quản trị chất lượng toàn diện (TQM), đánh giá kết quả (performance), mối liên hệ giữa các yếu tố sản xuất và chất lượng với kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 10 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT
- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp cơ sở (trong đó có 02 đề tài làm chủ nhiệm) và 01 đề tài cấp Bộ (là chủ nhiệm đề tài);
- Đã công bố 32 bài báo KH, trong đó 09 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- 01 bằng Khen Bộ trưởng, Quyết định số 4493/QĐ-BGDĐT, ngày 19/11/2019
- Chiến sĩ thi đua cơ sở trong 6 năm học: 2012-2013, 2013-2014, 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019;
- Giấy khen của Hiệu trưởng cho việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong 5 năm học: 2013-2014, 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi tự đánh giá về bản thân như sau:

- Về phẩm chất đạo đức: có phẩm chất đạo đức tốt, luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và của Nhà trường, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người công dân. Tôi luôn coi trọng và giữ gìn phẩm chất, tác phong, uy tín của nhà giáo, sống chan hoà với đồng nghiệp, cư xử đúng mực với sinh viên;
- Về công tác giảng dạy: đã được đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, luôn không ngừng trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng và phương pháp sư phạm. Tôi đảm nhiệm giảng dạy chính các học phần Khởi sự kinh doanh và Quản trị sản xuất ở bậc đại học, Quản trị vận hành và Quản trị dự án đầu tư ở bậc cao học và luôn nỗ lực để cập nhật nội dung, đổi mới phương pháp giảng dạy và hoàn thành thật tốt nhiệm vụ giảng dạy của một giảng viên đại học;
- Về nghiên cứu khoa học: luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu, nỗ lực học hỏi để hoàn thiện về phương pháp, năng lực nghiên cứu. Là trưởng nhóm nghiên cứu về khởi nghiệp, tôi luôn cố gắng tìm tòi ý tưởng nghiên cứu mới, hợp tác với các nhà khoa học trong và ngoài trường, hướng dẫn các đồng nghiệp trẻ, tích cực làm việc nhóm,... để đẩy mạnh các công bố quốc tế của nhóm và của Nhà trường;
- Về học tập, tự bồi dưỡng: luôn có ý thức tự học tập, nâng cao năng lực chuyên môn và phương pháp nghiên cứu, luôn nỗ lực tự học tập để hoàn thiện khả năng sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy và nghiên cứu;
- Về công tác quản lý: là Trưởng Bộ môn, tôi luôn nỗ lực để làm tấm gương tốt cho các thành viên bộ môn về giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tìm tòi đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các học phần, chú trọng giữ gìn sự đoàn kết của tập thể đồng

thời duy tính kỷ luật và hiệu suất công việc. Tập thể Bộ môn Quản trị tác nghiệp kinh doanh đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ công tác trong thời gian qua.

Tôi tự đánh giá bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ của một nhà giáo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tôi công tác tại trường Đại học Thương mại từ 1/1/2000 đến nay, trong đó có 01 năm tập sự và 05 năm đi học Thạc sĩ và Tiến sĩ tại Cộng hoà Pháp. Như vậy, tính tới thời điểm hiện tại (cuối tháng 6/2020), tôi có tổng số **14 năm 6 tháng** thâm niên đào tạo.
- Bảng dưới đây là tổng hợp kết quả đào tạo trong 6 năm học gần nhất, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015	0	0	02	06	45	150	195/415/238
2	2015-2016	0	0	02	06	90	135	225/445/229,5
3	2016-2017	0	0	02	07	90	135	225/540/216
3 thâm niên cuối								
4	2017-2018	0	0	02	07	75	135	210/525/216
5	2018-2019	0	0	02	07	75	135	210/525/216
6	2019-2020	0	1	0	06	60	120	180/430/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ tại Cộng hoà Pháp năm 2002 và bảo vệ luận án TS ☒ tại Cộng hoà Pháp năm 2010.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Pháp
- Nơi giảng dạy: Viện Đào tạo quốc tế, Đại học Thương mại, Việt nam

d) Đối tượng khác ☐

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL ITP 460 (test date: 08/22/2017)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Hà Thị Duy Linh	X			X	4/2015 – 4/2019	ĐH Thương mại	3/12/2019 (QĐ cấp bằng)
2	Lê Đình Thành		X	X		22/6/2018 – 15/12/2018	ĐH Thương mại	26/4/2019
3	Phạm Thị Cẩm Nhung		X	X		22/6/2018 – 15/12/2018	ĐH Thương mại	26/4/2019
4	Trần Đức Tuấn		X	X		21/6/2017 - 22/12/2017	ĐH Thương mại	02/05/2018
5	Phạm Thị Mỹ Thơ		X	X		21/6/2017 - 22/12/2017	ĐH Thương mại	02/05/2018
6	Nguyễn Xuân Thuỷ		X	X		22/11/2016 – 17/6/2017	ĐH Thương mại	26/10/2017
7	Đào Thị Lan Phương		X	X		26/4/2016 - 28/10/2016	ĐH Thương mại	10/3/2017
8	Nguyễn Minh Anh		X	X		17/11/2015 – 15/06/2016	ĐH Thương mại	18/10/2016
9	Bùi Tuấn Vũ		X	X		17/11/2015 – 15/06/2016	ĐH Thương mại	18/10/2016
10	Nguyễn Đình Quý		X	X		27/05/2015 – 30/11/2015	ĐH Thương mại	08/03/2016
11	Trần Thị Mai Hương		X	X		11/5/2015 – 30/11/2015	ĐH Thương mại	08/03/2016

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

5.1 Sách xuất bản trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ: Không có

5.2 Sách xuất bản sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	----------------------------	------------------------------	------------	----------	---	--

1	GT Quản trị sản xuất	GT	NXB Thống kê, 2018	10	Chủ biên	Chương 1,3 và 9 1-36; 75-112; 275-315	Số 489/QĐ-ĐHTM
2	Cẩm nang hiểu biết về kinh doanh	TK	NXB Thanh niên, 2017	2	Chủ biên	Chương 1, 2 và 3, 7- 89	Số 489/QĐ-ĐHTM
3	GT Phương pháp nghiên cứu khoa học	GT	NXB Thống kê, 2015	10	Tham gia	Chương 4, 145 -189	Số 489/QĐ-ĐHTM
4	GT Quản trị dự án	GT	NXB Thống kê, 2015	7	Tham gia	Chương 3, 95-130	Số 489/QĐ-ĐHTM
5	GT Quản trị học	GT	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	6	Đồng chủ biên	Chương 5, 6,	Xác nhận của Hiệu trưởng ĐH Đại Nam

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

6.1 Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Một số giải pháp hoàn thiện môi trường thành lập doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở Việt Nam (ĐT)	TK	Cấp trường	2001	22/9/2001, Xếp loại: Xuất sắc

6.2 Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
2	Nghiên cứu lý thuyết dự báo nhu cầu sản phẩm	CN	CS-2016-01, cấp trường	9/2015-4/2016	23/5/2016, Xếp loại: Tốt
3	Nghiên cứu lý thuyết hoạch định nhu cầu	CN	CS16-32, cấp trường	9/2016-4/2017	12/5/2017 Xếp loại: Tốt

	nguyên vật liệu trong quản trị sản xuất				
4	Hỗ trợ khởi sự doanh nghiệp của thanh niên Việt Nam – Thực trạng và giải pháp	CN	B2017-TMA-07, Cấp Bộ	01/2017-05/2019	01/10/2019, Xếp loại: Đạt

Lưu ý:

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
A. Bài báo khoa học công bố trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	La mutation entrepreneuriale récente et la perspective de développement d'une culture entrepreneuriale au Vietnam	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế : Actes du 10 ^e JS du réseau entrepreneuriat de l'AUF « Les mutations entrepreneuriales », 23 au 25 mai 2007, Antananarivo – Madagascar.			13 trang	2007
2	Tinh thần kinh doanh của Việt Nam từ góc nhìn lịch sử, văn hóa	1	X	Tạp chí Khoa học Thương Mại ISSN 1859-3666			Số 21, 11-16	2007
B. Bài báo khoa học công bố sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
B1. Bài báo trong danh mục tạp chí ISI/Scopus								
3	Entrepreneurial human capital, role models, and fear of failure and start-up perception of feasibility among adults in Vietnam	3	X	International Journal of Engineering Business Management, ISSN: 18479790 E-ISSN: 18479790 DOI: 10.1177/	Emerging Sources Citation Index (ESCI) Scopus (Q3), H index = 18		Vol. 11, 1-11	2019

				1847979019873269				
4	The role of structural support in predicting entrepreneurial intention: Insights from Vietnam	2	X	Management Science Letters ISSN 1923-9335 E-ISSN 1923-9343 DOI: 10.5267/j.msl.2019.6.012	Scopus (Q2) H index = 13		Vol. 9, Issue 11, 1783-1798	2019
5	Application of Fuzzy Analytic Hierarchy Process in Prioritizing and Ranking Critical Success Factors of Innovation Startups	3	X	WSEAS Transactions on Business and Economics, ISSN: 1109-9526 E-ISSN: 2224-2899	Scopus (Q4) H index = 15		Vol. 16, 261-270	2019
6	Relationships between students' work values and entrepreneurial intention among Vietnamese students	3	X	Academy of entrepreneurship journal Print ISSN: 1087-9595; Online ISSN: 1528-2686	Scopus (Q3) H index = 11		Vol. 26, Issue 1, 13 pages	2020
7	Performance Evaluation of Vietnamese Apparel Enterprises: An Application of DEA Approach	3	X	WSEAS Transactions on Business and Economics, ISSN: 1109-9526 E-ISSN: 2224-2899	Scopus (Q4) H index = 15		Vol. 18, 1-9	2021
8	Critical Success Factors of TQM Implementation in Vietnamese Supporting Industries	2	X	Journal of Asian Finance, Economics and Business, ISSN: 2288-4637(print), 2288-4645 (online)	Emerging Sources Citation Index (ESCI) Scopus (Q3)		Vol. 7 Issue 7, 11 pages	2020
9	Entrepreneurial self-efficacy and intention among Vietnamese students: A meta-analytic path analysis based on the theory of planned behaviour	2		Management Science Letters ISSN 1923-9335 E-ISSN 1923-9343 DOI: 10.5267/j.msl.2019.6.012	Scopus (Q2) H index = 13		Vol. 9, Issue 11, 1847-1862	2019
10	Forecasting Vietnamese stock index: A comparison	2		Decision Science Letters ISSN 1929-5812 (Online)	Scopus (Q2) H index = 15		Vol. 9, issue 2, 193-206	2020

	of hierarchical ANFIS and LSTM			- ISSN 1929-5804 (Print) DOI: 10.5267/ j.dsl.2019.11.002				
11	An approach based on machine learning techniques for forecasting Vietnamese consumers' purchase behaviour	2		Decision Science Letters ISSN 1929-5812 (Online) - ISSN 1929-5804 (Print) DOI: 10.5267/ j.dsl.2020.5.004	Scopus (Q2) H index = 15		Vol. 9, issue 3, 313-322	2020
B2. Bài báo trong danh mục tạp chí chuyên ngành								
12	La perception de la carrière entrepreneuriale des étudiants. Le cas du Vietnam	1	X	Journal of Social Management (Zeitschrift für Sozialmanagement) ISSN 1612-8389			Vol. 9, 27-56	2011
13	Nhận thức cá nhân, các giá trị văn hoá và hành vi khởi nghiệp	1	X	Tạp chí Kinh tế và phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 276, 60-68	2020
14	Ảnh hưởng của các yếu tố hỗ trợ và trở ngại cá nhân tới ý định hành vi khởi sự kinh doanh: nhận thức của nữ sinh viên một số trường đại học tại Hà Nội	1	X	Tạp chí Khoa học Thương Mại ISSN: 1859-3666			Số 141, 63-72	2020
15	Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo – Nghiên cứu thực nghiệm trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt nam	1	X	Tạp chí Công Thương ISSN: 0866-7756			Số 6/2017 246-251	2017
16	Chỉ số tiềm năng về khởi sự kinh doanh của thanh niên Việt nam	1	X	Tạp chí Kinh tế và dự báo, ISSN: 0866-7120			Số 15, 141-144	2019
17	Nghiên cứu các hoạt động hỗ trợ khởi sự kinh doanh ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Công Thương ISSN: 0866-7756			Số 14/2020, 266-276	2020

B3. Bài báo trong kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế (viết bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp)								
18	L'effet des programmes de formation à l'entrepreneuriat : le cas des clubs « Étudiants Entrepreneurs » d'Hanoi	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế : Actes du 20 ^e Colloque du CEDIMES, Québec, Université Laval, 8-10 Novembre, 2010 Bài được chọn đăng trong sách “ <i>Projets et Entrepreneuriat au sein des pays émergents</i> ”, ISBN: 978-2-343-00345-0	Bài được giải thưởng Best paper Award của Hội thảo		22 trang	2010
19	The Study of Relationship between Career Plateau, Job Satisfaction and Intent to Leave: Evidence from Vietnamese Companies	3		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Hội nhập: cơ hội và thách thức”; NXB Thống kê			Tập 1, 768-781	2012
20	Entrepreneurial intentions in vietnam : a comparative analysis among business and engineering students	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Hội nhập quốc tế: thành tựu và những vấn đề đặt ra” NXB Thống kê			Tập 1, 638-649	2013
21	Willingness to Apply the Green Supply Chain Management in Hotel Industry	2		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Những vấn đề về quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh hiện đại”, NXB Thống kê			292-309	2014
22	The influence factors for motivating to engage university and industry in Vietnam in technology transfer	3		Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế “Doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam, vai trò của trường đại học và các tổ chức nghiên cứu”, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân ISBN: 978-604-927-923-2.			167-183	2015
23	Tourism Promotion in Crisis Period - An Application of AHP Method	2		Proceedings of International Conference on Emerging Challenges: Managing to Success – ICECH2015,			Vol. 2, 626-632	2015

				ISBN: 978-604-938-723-4				
24	The Relationship between the Leadership Competences and the Project Performance: Case of the Association of Cities of Vietnam	2	X	Proceedings of International Conference on Emerging Challenges: Managing to Success – ICECH2015, ISBN: 978-604-938-723-4			Vol. 2, 817-827	2015
25	Using DEA models to evaluate the efficiency of LienVietPostbank in Hanoi	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập - Cơ hội và thách thức” ISBN 978-604-86-9872-0			Tập 1, 277-288	2016
26	The influence of external factors on entrepreneurial opportunity exploitation of young people in Hanoi	2	X	Proceedings of the 6 th international conference on emerging challenges: strategic integration ICECH 2017, ISBN: 978-604-95-0358-0			553-562	2017
27	A study on Vietnamese women entrepreneurship indicators	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Khởi nghiệp và sáng tạo, cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam”, ISBN: 978-604-55-4620-8			Tập 1, 617-631	2019
28	Overcoming the technical barriers to trade (TBT) of the EU market for Vietnam's textile and garment products	2		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Phát triển kinh tế và thương mại Việt Nam trong bối cảnh bảo hộ thương mại” (Có xác nhận đăng bài, chưa có kỷ yếu với ISBN)			12 trang	2020

B4. Bài báo đăng trong kỷ yếu Hội thảo quốc tế và quốc gia viết bằng tiếng Việt.

29	Nghiên cứu sự hài lòng về công việc của lao động phi chính thức trên địa bàn Hà Nội	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Kinh tế phi chính thức, thực trạng và vấn đề đặt ra đối với các nền kinh tế”, ISBN: 978-604-86-7666-7			471-479	2015
30	Nghiên cứu khởi nghiệp: lịch sử phát triển, cách tiếp cận và các hướng nghiên cứu trong bối cảnh	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Khởi nghiệp và đổi mới trong kinh doanh”, ISBN: 978-604-55-3377-2			7-21	2018

	hiện nay							
31	Mối quan hệ giữa vốn con người và nhận thức về khởi nghiệp	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Quản trị nhân lực doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 ISBN: 978-604-62-8950-0			466-474	2019
32	Thực hành quản trị chất lượng của doanh nghiệp ngành công nghiệp phụ trợ: công cụ đánh giá và các vấn đề đặt ra	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Tăng trưởng xanh: Quản trị và phát triển doanh nghiệp” ISBN: 978-604-9963-46-9			206-222	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 06

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Là thành viên của Hội đồng Khoa Quản trị kinh doanh và Hội đồng Khoa Quản trị nhân lực, Trường Đại học Thương mại, nhiệm kỳ 2016-2021, tôi đã tham gia xây dựng và sửa đổi 02 chương trình đào tạo sau:

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh; trình độ và hệ đào tạo: Đại học chính quy;
- Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực, chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp; trình độ và hệ đào tạo: Đại học chính quy.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ...

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Văn Trang